

# COMPLIANCE HEALTH CHECK

ON THE LAWS FOR ENTERPRISES

## BẢNG KIỂM TRA TUÂN THỦ

VỀ PHÁP LUẬT CHO DOANH NGHIỆP



PHUOC & PARTNERS

### Preface

#### Lời giới thiệu

Dear our valued clients,

*Kính chào Quý doanh nghiệp,*

As you may have known, an Enterprise Registration Certificate and Investment Registration Certificate (if required) are the first legal requirements for enterprises to start their businesses in Vietnam. After obtaining such certificates, the business operation of the enterprises shall also comply with other laws and regulations in many business sectors. With the purpose of supporting the enterprises to conduct their businesses in strict compliance with the law of Vietnam, Phuoc & Partners has designed this Legal Compliance Health Check on the Law for Enterprises so that enterprises can check their own "legal health" in the most simple and effective way.

*Như Quý doanh nghiệp đã biết, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có yêu cầu) là bước pháp lý đầu tiên cho các doanh nghiệp khởi sự kinh doanh tại Việt Nam. Sau bước này, quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp còn phải tuân thủ các quy định khác nhau của pháp luật điều chỉnh nhiều lĩnh vực kinh doanh. Với mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động kinh doanh trên nền tảng tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam ở nhiều lĩnh vực khác nhau, Công ty Luật TNHH Phước và Các Cộng Sự đã thiết kế Bảng Kiểm Tra Tuân Thủ Về Pháp Luật Cho Doanh Nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp có thể thực hiện việc kiểm tra "sức khỏe pháp lý" của doanh nghiệp mình một cách đơn giản mà hiệu quả nhất.*

### Instruction on filling-out the Compliance Health Check on the Laws for Enterprises

#### Hướng dẫn điền vào Bảng kiểm tra Tuân Thủ Về Pháp Luật Cho Doanh Nghiệp

This Compliance Health Check on the Laws for Enterprises is designed as a simple checklist on fundamental and popular regulations and requirements of the current laws of Vietnam applicable to the enterprises.

*Bảng Kiểm Tra Tuân Thủ Về Pháp Luật Cho Doanh Nghiệp được thiết kế như là một danh mục kiểm tra đơn giản bao gồm các quy định và yêu cầu cơ bản và phổ biến của pháp luật hiện hành của Việt Nam mà các doanh nghiệp có nghĩa vụ phải tuân thủ.*

During your check of legal compliance, you will be up to date on legal compliance matters relating to the business activities of the enterprises, specifically those of foreign-invested enterprises in Vietnam. Please be noted that this Compliance Health Check on the Laws for Enterprises does not cover all legal sectors with which enterprises must comply during their operational life, nor does it go into detailed regulations. The enterprises carrying out their businesses in particular sectors such as banking, pharmaceutical, petroleum, insurance, etc. shall comply with other legal regulations. In addition, the enterprises shall also comply with detailed regulations on specific areas, such as tax, invoice, import and export, customs, environment protection, etc.

*Trong quá trình tự kiểm tra, các doanh nghiệp sẽ được cập nhật nhiều kiến thức pháp lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Xin lưu ý rằng Bảng Kiểm Tra Tuân Thủ Về Pháp Luật Cho Doanh Nghiệp này không bao gồm tất cả các lĩnh vực pháp luật mà doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ trong hoạt động của mình cũng như không đi sâu vào các quy định thật sự quá chi tiết. Trong trường hợp các doanh nghiệp kinh doanh trong một số ngành, nghề đặc thù, chẳng hạn như ngân hàng, dược phẩm, dầu mỏ, bảo hiểm..., thì còn phải tuân thủ thêm các quy định pháp lý có liên quan khác. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn phải tuân theo các quy định chi tiết trong từng lĩnh vực cụ thể, như thuế, hóa đơn, xuất nhập khẩu, hải quan, bảo vệ môi trường...*

This Compliance Health Check on the Laws for Enterprises is to determine fundamental regulations under the laws of Vietnam with which the enterprises must comply. If your answer is "No" to any compliance requirement, please contact us for our consultation on that particular matter. In case there is any compliance requirement relating to the activities which are irrelevant to your enterprises, please skip it.

*Bảng Kiểm Tra Tuân Thủ Về Pháp Luật Cho Doanh Nghiệp này được thiết kế để xác định các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam mà các doanh nghiệp phải tuân thủ. Nếu doanh nghiệp trả lời "KHÔNG" cho bất kỳ yêu cầu tuân thủ nào, doanh nghiệp nên liên hệ với chúng tôi để được tư vấn cụ thể về các trường hợp đó. Trong trường hợp các câu hỏi có liên quan đến các hoạt động mà doanh nghiệp chưa phát sinh trong thực tế, xin vui lòng bỏ qua câu hỏi đó.*

**LAWS ON ENTERPRISES**  
**PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP**

<b>Post-licensing procedures</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Thủ tục sau đăng ký doanh nghiệp</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
<p>After being incorporated, do the enterprises make the stamp?<sup>1</sup> <i>Sau khi được thành lập, doanh nghiệp có làm con dấu hay không?</i></p>		
<p>After being incorporated, do the enterprises register digital signature and open bank accounts in Vietnam (for online tax declaration and payment)? <i>Sau khi được thành lập, doanh nghiệp có đăng ký chữ ký số và mở tài khoản ngân hàng tại Việt Nam (cho mục đích khai thuế và nộp thuế điện tử) hay không?</i></p>		
<p>After opening a bank account, do the enterprises notify the business registration office within 10 days of the opening?<sup>2</sup> <i>Sau khi mở tài khoản ngân hàng, doanh nghiệp có thực hiện thủ tục thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày mở tài khoản hay không?</i></p>		
<p>Do the enterprises declare and pay the license fee by the last date of the month when the enterprises start doing business operations or within 30 days of the issuance of the Enterprise Registration Certificate in case of not doing business yet?<sup>3</sup> <i>Doanh nghiệp có kê khai và nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng mà doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà chưa hoạt động sản xuất kinh doanh hay không?</i></p>		
<p>Do members, owners, shareholders of the enterprises fully make the capital contributions by the proper type of assets as committed within 90 days of the issuance of the Enterprise Registration Certificate?<sup>4</sup> <i>Các thành viên, chủ sở hữu, cổ đông của doanh nghiệp có góp vốn điều lệ đầy đủ và đúng loại tài sản như họ đã cam kết trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không?</i></p>		

<sup>1</sup> Article 43 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>2</sup> Article 31.1, 31.2 of the Law on Enterprises 2020, Article 12.1 of Circular No. 95/2016/TT-BTC, Article 31 Decree No. 50/2016/ND-CP/ Điều 31.1, 31.2 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 12.1 Thông tư 95/2016/TT-BTC, Điều 31 Nghị định 50/2016/ND-CP

<sup>3</sup> Article 5.1(a) of Circular No. 302/2016/TT-BTC / Điều 5.1(a) Thông tư 302/2016/TT-BTC

<sup>4</sup> Articles 47, 75, 113 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 47, 75, 113 Luật Doanh nghiệp 2014

---

Do the enterprises issue a capital contribution certificate to their member(s) upon full contribution of the capital amount?<sup>5</sup>

*Doanh nghiệp có cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho các thành viên của công ty tại thời điểm các thành viên đã góp đủ phần vốn góp của họ hay không?*

---

Do the enterprises make the register of members, the register of shareholders?<sup>6</sup>

*Doanh nghiệp có lập sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông hay không?*

---

**Mandatory adjustment of the Enterprise Registration Certificate due to non-compliance**

**Yes**

**No**

***Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bắt buộc do không tuân thủ***

**Có**

**Không**

---

Do the enterprises register the conversion of the type of enterprise in accordance with the Law on Enterprises in case of not meeting the minimum required number of members or shareholders?<sup>7</sup>

*Trong trường hợp không còn đủ số lượng thành viên hoặc cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp có đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hay không?*

---

Do the enterprises being limited liability companies or joint stock companies register a reduction in the registered charter capital with the business registration office within 30 days of the expiry of the deadline for full contribution of the charter capital?<sup>8</sup>

*Trong trường hợp chưa góp đủ vốn điều lệ, doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần có đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải góp đủ vốn hay không?*

---

Do the joint stock enterprises register the changes in the founding shareholders in case any founding shareholder fails to pay or fully pay his or her subscribed shares within 30 days of the expiry of the deadline for full payment of the subscribed shares?<sup>9</sup>

---

---

<sup>5</sup> Article 47.5 of the Law on Enterprises 2020, Article 34.2(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 47.5 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34.2(a) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>6</sup> Articles 48.1, 122.1 of the Law on Enterprises 2020, Article 34.2(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 48.1, 122.1 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34.2(b) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>7</sup> Articles 202 to 204 of the Law on Enterprises 2020, Article 28 Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 202 đến 204 của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 28 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>8</sup> Articles 47.4, 75.3, 113.3 of the Law on Enterprises 2020, Article 28.3 of Decree No. 50/2016/ND-CP/ Điều 47.4, 75.3, 113.3 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 28.3 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>9</sup> Articles 31 and 113 of the Law on Enterprises 2020/ Điều 31 và 113 Luật Doanh nghiệp 2020

---

---

Doanh nghiệp là công ty công ty cổ phần có đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua?

<b>Registration, notification of changes in business registration contents</b> <b>Đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh</b>	<b>Yes</b> <b>Có</b>	<b>No</b> <b>Không</b>
--	-------------------------	---------------------------

In case of any change in the contents recorded on the Enterprise Registration Certificate, do the enterprises register such changes within 10 days of such changes?<sup>10</sup>

*Khi thay đổi các nội dung được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có thực hiện thủ tục đăng ký các nội dung thay đổi đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi hay không?*

---

In case of any change in the business lines, the founding shareholders or foreign shareholders, or other contents in the enterprise registration dossier, do the enterprises notify the business registration office within 10 days of such changes?<sup>11</sup>

*Khi thay đổi ngành, nghề kinh doanh, thay đổi cổ đông sáng lập hoặc cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoặc thay đổi những nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp có thông báo các nội dung thay đổi đó với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi hay không?*

<b>Obligation to make notification and reports of the enterprises</b> <b>Nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp</b>	<b>Yes</b> <b>Có</b>	<b>No</b> <b>Không</b>
--	-------------------------	---------------------------

In case of suspension of operation, do the enterprises notify the business registration offices at least 03 working days before the date of temporary suspension of its business or resumption of its business prior to the notified time-limit?<sup>12</sup>

*Khi tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp có thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo hay không?*

---

---

<sup>10</sup> Article 30 of the Law on Enterprises 2020, Article 25 of Decree No. 50/2016/ND-CP/ Điều 30 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 25 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>11</sup> Article 31 of the Law on Enterprises 2020/ Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>12</sup> Article 206.1 of the Law on Enterprises 2020, Article 32 of Decree No. 50/2016/ND-CP/ Điều 206.1 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 32 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<b>Managers of enterprises</b> <i>Người quản lý doanh nghiệp</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
---	-------------------------	---------------------------

Owner, members, shareholders, or managers of the enterprises; do they officers, civil servants and public employees, or directors and managers of State enterprises?<sup>13</sup>

*Chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc người quản lý doanh nghiệp có là cán bộ, công chức, viên chức hoặc cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước hay không?*

Do the enterprises have at least one legal representative residing in Vietnam?<sup>14</sup>

*Doanh nghiệp bảo đảm có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam hay không?*

If there is only 01 legal representative of the enterprises residing in Vietnam, prior to leaving Vietnam, does such a legal representative authorises in writing another person to act as his or her proxy?<sup>15</sup>

*Nếu doanh nghiệp chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam, người đại diện theo pháp luật này có ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện khi xuất cảnh khỏi Việt Nam hay không?*

<b>Organisation and management of enterprises</b> <i>Tổ chức, quản lý doanh nghiệp</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
---	-------------------------	---------------------------

Do the enterprises have the management structure (organisational structure) in accordance with the Law on Enterprises as shown below?

*Doanh nghiệp có tổ chức bộ máy quản lý (cơ cấu tổ chức quản lý) theo quy định của Luật Doanh nghiệp như dưới đây hay không?*

- Including Members' Council, Chairman of the Members' Council, Director or General Director, applicable to limited liability companies with two or more members;<sup>16</sup>

*Gồm có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên;*

- Including President or Members' Council, Director or General Director, applicable to sole-member limited liability companies

<sup>13</sup> Article 17.2 of the Law on Enterprises 2020, Article 29.1 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 29.1 Nghị định 50/2016/ND-CP.

<sup>14</sup> Article 12.3 of the Law on Enterprises 2020, Article 33.1(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 12.3 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 33.1(a) Nghị định 50/2016/ND-CP

<sup>15</sup> Article 12.3 of the Law on Enterprises 2020, Article 33.1(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 12.3 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 33.1(b) Nghị định 50/2016/ND-CP.

<sup>16</sup> Article 54 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 54 Luật Doanh nghiệp 2020

---

owned by a corporate entity;<sup>17</sup> or including President and Director or General Director, applicable to sole-member limited liability companies owned by an individual;<sup>18</sup>

*Gồm có Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu; hoặc gồm có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu;*

- Including General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervision (not compulsory when there are fewer than 11 shareholders and the corporate shareholders own less than 50% of the total shares of the Enterprises) and Director or General Director; or including General Meeting of Shareholders, Board of Directors, (in case at least 20% of the Board of Directors are independent members and there is an internal auditing board belonging to the Board of Directors) and Director or Director General, applicable to joint stock companies.<sup>19</sup>

*Gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (không bắt buộc khi công ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty) và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị) và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên.*

---

Do the enterprises being limited liability companies hold annual meetings of Members' Council at least once a year?<sup>20</sup>

*Doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn có tiến hành họp hội đồng thành viên ít nhất mỗi năm một lần không?*

---

Do the enterprises being joint stock companies hold annual General Meetings of Shareholders within 04 months from the end of the financial year?<sup>21</sup>

---

---

<sup>17</sup> Article 79 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>18</sup> Article 85 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 85 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>19</sup> Article 137 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>20</sup> Article 55.1 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 55.1 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>21</sup> Article 139.2 of the Law on Enterprises 2020, Article 34.1(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 139.2 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34.1(a) Nghị định 50/2016/ND-CP

---

*Doanh nghiệp là công ty cổ phần có tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính không?*

---

Do the Board of Management of the enterprises hold meetings once a quarter?<sup>22</sup>

*Hội đồng quản trị công ty cổ phần có tiến hành họp ít nhất mỗi quý một lần không?*

---

Do the enterprises fix the nameplate at the head office, branches, representative offices, and business locations of the enterprises? Shall branches, representative offices and business locations fix the nameplate at head offices of these branches, representative offices and business locations?<sup>23</sup>

*Doanh nghiệp có gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hay không? Có gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hay không?*

---

Do the enterprises' documents, e.g. charter, minutes of meetings, decisions of the enterprises, accounting records, accounting documents and annual financial statements, kept at the head office of the enterprises or another place stipulated in the charter?<sup>24</sup>

*Các tài liệu của doanh nghiệp chẳng hạn như Điều lệ, biên bản họp, quyết định của doanh nghiệp, sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm có được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc địa điểm khác được quy định trong điều lệ hay không?*

---

**Dependent units of the enterprises**

**Yes**

**No**

***Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp***

***Có***

***Không***

Before opening an office at a location other than the head office of the enterprises, do the enterprises register the establishment of branches or representative offices with the business registration office of the locality where such office is located?<sup>25</sup>

*Trước khi mở văn phòng tại một địa điểm khác với trụ sở chính, doanh nghiệp có đăng ký thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt văn phòng đó hay không?*

---

---

<sup>22</sup> Article 157.3 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 157.2 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>23</sup> Articles 37.4, 40.3 of the Law on Enterprises 2020, Article 34.2(c) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 37.4 và Điều 40.3 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34.2(c) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>24</sup> Article 11.2 of the Law on Enterprises 2020, Article 34.2(d) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 11.2 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34.2(d) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>25</sup> Articles 45 of the Law on Enterprises 2020, Article 37.1(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 45 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 37.1(a) Nghị định 50/2016/NĐ-CP



---

Do the enterprises register the changes in the contents of operation registration certificates of its branches or representative offices within 10 days of such changes?<sup>26</sup>

*Doanh nghiệp có thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi hay không?*

---

Do the enterprises notify the business location within 10 days from the date of the decision on the business location?<sup>27</sup>

*Doanh nghiệp có thông báo địa điểm kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định địa điểm kinh doanh không?*

<b>Specific regulations on private enterprises</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Quy định riêng đối với doanh nghiệp tư nhân</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Do the private enterprises make the capital contribution for setting up companies, or purchase shares or capital contributions of partnerships, limited liability companies, or joint stock companies?<sup>28</sup>

*Doanh nghiệp tư nhân có góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần?*

<b>Parent company and its subsidiaries</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Mô hình công ty mẹ, công ty con</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Do subsidiaries contribute capital to, or purchase shares of, their parent companies, or do subsidiaries of the same parent company contribute capital to, or purchase shares of, each other for the purpose of cross ownership?<sup>29</sup>

*Công ty con có đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ hoặc các công ty con của cùng một công ty mẹ có cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau hay không?*

---

Do subsidiaries of the same parent company which is a company having at least 65% of the State capital, purchase shares of the same company or contribute the capital to set up a new company?<sup>30</sup>

---

---

<sup>26</sup> Article 45.4 of the Law on Enterprises 2020, Article 25 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 45.4 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 25 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>27</sup> Article 45.5 of the Law on Enterprises 2020, Article 25 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 45.5 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 25 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>28</sup> Article 188.4 of the Law on Enterprises 2020 Article 38 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 188.4 của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 38 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>29</sup> Article 195.2 of the Law on Enterprises 2020, Article 39 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 195.2 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 39 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>30</sup> Article 195.3 of the Law on Enterprises 2020/ Điều 195.3 Luật Doanh nghiệp 2020.

---

*Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn Nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới hay không?*

---

At the end of the financial year, do the parent companies prepare the consolidated financial statements, annual consolidated profit and loss statement, and general report on management and administration?<sup>31</sup>

*Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, công ty mẹ có lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con và báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con hay không?*

---

Do the subsidiaries prepare general reports on purchases, sales, and other transactions with their parent companies?<sup>32</sup>

*Công ty con có lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với công ty mẹ hay không?*

---

## LAWS ON INVESTMENT PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ

---

Registration of investment projects	Yes	No
<i>Đăng ký dự án đầu tư</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Do the investment project of foreign investors (including enterprises having more than 50% of their charter capital held by a foreign investor(s) (“**Enterprise(s) 1**”) and/or enterprises having more than 50% of their charter capital held by the Enterprises 1 or together held by the Enterprise(s) 1 and foreign investor(s)) registered and issued with the Investment Registration Certificate?<sup>33</sup>

*Dự án đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (“**Doanh nghiệp 1**”), và/hoặc doanh nghiệp có trên 50% vốn điều lệ nắm giữ bởi Doanh nghiệp 1 hoặc bởi cả nhà đầu tư nước ngoài và Doanh nghiệp 1) có thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hay không?*

Amendments to the investment projects	Yes	No
<i>Điều chỉnh dự án đầu tư</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Do the enterprises register the amendments to the Investment Registration Certificate in case of any change in the project’s name, the investors’ names, or the project location; land area (if any); the objectives and scope

---

<sup>31</sup> Article 197.1 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 197.1 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>32</sup> Article 197.6 of the Law on Enterprises 2020 / Điều 197.6 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>33</sup> Article 37.1 of the Law on Investment 2020 / Điều 37.1 Luật Đầu tư 2020

---

of the project (if any); the operation term of the project; the project implementation schedule; investment incentives and supports (if any)?<sup>34</sup>

*Doanh nghiệp có thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư, hoặc thay đổi địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng (nếu có); mục tiêu, quy mô dự án đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) hay không?*

---

Do the enterprises execute the investment projects in accordance with the Investment Registration Certificate?<sup>35</sup>

*Doanh nghiệp có triển khai dự án đầu tư theo đúng quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hay không?*

<b>Deposit on the investment</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Ký quỹ đầu tư</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

In case of obtaining permission for land allocation, land lease, or change in land use purpose by the State, do the enterprises make an escrow deposit or have a bank guarantee regarding the obligation to provide an escrow deposit for securing the execution of the investment project?<sup>36</sup>

*Trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, doanh nghiệp có ký quỹ hoặc có bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư hay không?*

<b>Reports on investment</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Báo cáo đầu tư</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Do the enterprises submit a report to the investment registration agency before executing the investment projects that are not obliged to be registered?<sup>37</sup>

*Doanh nghiệp có báo cáo cho cơ quan đăng ký đầu tư trước khi bắt đầu thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không?*

---

Do the foreign-invested enterprises which do trading business and other activities directly relating to the trading business submit reports on their

---

---

<sup>34</sup> Articles 41.2 of the Law on Investment 2020; Article 13.4(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 41.2 Luật Đầu tư 2020, Điều 13.4(b) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>35</sup> Article 41.3(d) of the Law on Investment 2020, Article 13.6(d) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 41.3(d) Luật Đầu tư 2014, Điều 13.6(d) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>36</sup> Article 43 of the Law on Investment 2020 / Điều 43 Luật đầu tư 2020,

<sup>37</sup> Article 72.5 of the Law on Investment 2020, Article 13.1 of Decree No. 50/2016/ND-CP/ Điều 72.5 Luật Đầu tư 2014, Điều 13.1 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

---

operation to the Industry and Trade Department before the 31<sup>st</sup> day of January of the year?<sup>38</sup>

*Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa có thực hiện báo cáo tình hình hoạt động đến Sở Công thương trước ngày 31 tháng 01 hàng năm không?*

<b>Investment in the forms of contribution of capital to, purchase of shares of, or capital contributions of, economic organisations in Vietnam by foreign investors</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

Investors include:

- Foreign investors (“**Investor 1**”);
- Enterprises having more than 50% of their charter capital held by Investor 1 (“**Investor 2**”); and
- Enterprises having 50% or more of their charter capital held by Investor 2 or both Investor 1 and Investor 2 (“**Investor 3**”).

Do they register the contribution of capital to, or purchase of shares or capital contribution before doing such forms of investment in enterprises doing the conditional business sectors applicable to foreign investors, or when such investment results in 50% or more of the charter capital of the concerned enterprises held by Investor 1, Investor 2 and/or Investor 3?<sup>39</sup>

*Các nhà đầu tư bao gồm:*

- *Nhà đầu tư nước ngoài (Nhà đầu tư 1);*
- *Doanh nghiệp có Nhà đầu tư 1 nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (Nhà đầu tư 2); và*
- *doanh nghiệp có Nhà đầu tư 2 hoặc Nhà đầu tư 1 và Nhà đầu tư 2 nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (Nhà đầu tư 3).*

---

<sup>38</sup> Article 40.1 of Decree No. 09/2018/ND-CP, Article 70.1(c) of Decree 98/2020/ND-CP / Điều 40.1 Nghị định 09/2018/NĐ-CP, Điều 70.1(c) Nghị định 98/2020/NĐ-CP.

<sup>39</sup> Article 26.2 of the Law on Investment 2020, Article 13.4(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 26.2 Luật Đầu tư 2014, Điều 13.4(a) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

*có thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trước khi thực hiện đầu tư theo các hình thức này vào doanh nghiệp hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, hoặc khi việc đầu tư dẫn đến việc các Nhà đầu tư 1, Nhà đầu tư 2 và/hoặc Nhà đầu tư 3 nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hay không?*

<b>Investment incentives</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b>Ưu đãi đầu tư</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>

In case the enterprises' projects are eligible for corporate income tax incentives, do the enterprises determine the qualification for such incentives, do the tax declaration and finalisation with the tax agency by themselves?<sup>40</sup>

*Trong trường hợp dự án của doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp có xác định các điều kiện ưu đãi thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế hay không?*

In case the enterprises' projects are eligible for import tax incentives, do the enterprises register the duty-free list with the customs office?<sup>41</sup>

*Tong trrường hợp dự án của doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu, doanh nghiệp có đăng ký Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế với cơ quan hải quan hay không?*

In case the enterprises' projects are eligible for non-agricultural land use tax incentives, do the enterprises submit the declaration dossier of non-agricultural land use tax to the tax agency to obtain a decision on exemption from, or reduction of, non-agricultural land use tax?<sup>42</sup>

*Trong trường hợp dự án của doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, doanh nghiệp có làm hồ sơ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với cơ quan thuế để được cấp quyết định miễn giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hay không?*

Do the enterprises notify the competent State authorities of the disqualification for the investment incentives?<sup>43</sup>

<sup>40</sup> Article 4.9 of the Consolidated Document No. 34/VBHN-BTC of 2019 by the Ministry of Finance, Article 22 of the Consolidated Document No. 66/VBHN-BTC of 2019 the Ministry of Finance / Điều 4.9 Văn bản hợp nhất 34/VBHN-BTC năm 2019 của Bộ Tài chính, Điều 22 Văn bản hợp nhất 66/VBHN-BTC năm 2019 của Bộ Tài chính

<sup>41</sup> Article 5.8(a) of the Consolidated Document No. 34/VBHN-BTC of 2019 of the Ministry of Finance / Điều 5.8(a) Văn bản hợp nhất 34/VBHN-BTC năm 2019 của Bộ Tài chính

<sup>42</sup> Article 6.8 of the Consolidated Document No. 34/VBHN-BTC introduced in 2019 by the Ministry of Finance, Article 12 of Circular No. 153/2011/TT-BTC / Điều 6.8 Văn bản hợp nhất 34/VBHN-BTC năm 2019 của Bộ Tài chính, điều 12 Thông tư 153/2011/TT-BTC

<sup>43</sup> Article 16.1 of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 16.1 Nghị định 50/2016/NĐ-CP

---

*Doanh nghiệp có thông báo lại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi không đáp ứng những điều kiện để được hưởng ưu đãi đầu tư hay không?*

<b>Business cooperation contracts signed with foreign investors</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b>Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>

Do the enterprises who sign business cooperation contracts with foreign investors for specific projects register for obtaining the investment registration certificate for such projects?<sup>44</sup>

*Doanh nghiệp có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư nước ngoài cho một dự án cụ thể có thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án đó hay không?*

---

Do the foreign investors under business cooperation contract registers for the establishment of their executive offices with the investment registration agency?<sup>45</sup>

*Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có đăng ký thành lập Văn phòng điều hành với cơ quan đăng ký đầu tư không?*

---

Upon closing the executive offices, do the foreign investors notify the investment registration agency of such closure?<sup>46</sup>

*Khi chấm dứt hoạt động Văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài có thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư hay không?*

<b>Offshore investment</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b>Đầu tư ra nước ngoài</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>

## PROCEDURES FOR OFFSHORE INVESTMENT

### THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Do the enterprises which do offshore investment register to obtain the Offshore Investment Registration Certificates?<sup>47</sup>

*Doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài có thực hiện thủ tục xin phép/đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hay không?*

---

Do the enterprises register to amend the Offshore Investment Registration Certificates in cases of change of Vietnamese investors, change of investment form, change of offshore investment capital or sources of investment capital and form of such capital, change of location for implementing the investment activity in the case of an investment project

---

---

<sup>44</sup> Article 27.2 of the Law on Investment 2020, Article 13.6(a) of Decree 50/2016/ND-CP / Điều 27.2 Luật Đầu tư 2020, Điều 13.6(a) Nghị định 50/2016/ND-CP

<sup>45</sup> Article 49.3 of the Law on Investment 2020, Article 13.2(d) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 49.3 Luật Đầu tư 2020, Điều 13.2(d) Nghị định 50/2016/ND-CP

<sup>46</sup> Article 50.1 of the Law on Investment 2020, Article 13.2(dd) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 50.1 Luật Đầu tư 2020, Điều 13.2(d) Nghị định 50/2016/ND-CP

<sup>47</sup> Article 61 of the Law on Investment 2020, Article 15.4(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 61 Luật Đầu tư 2020, Điều 15.4(a) Nghị định 50/2016/ND-CP

---

requiring an investment location, change of main objective of the offshore investment activity, use of profit from an offshore investment to contribute or to increase the offshore investment capital?<sup>48</sup>

*Doanh nghiệp có thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong các trường hợp: thay đổi nhà đầu tư Việt Nam, thay đổi hình thức đầu tư, thay đổi vốn đầu tư ra nước ngoài; nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư, thay đổi địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư yêu cầu phải có địa điểm đầu tư, thay đổi mục tiêu chính của hoạt động đầu tư ở nước ngoài, sử dụng lợi nhuận đầu tư ở nước ngoài để góp vốn hoặc tăng vốn đầu tư ở nước ngoài hay không?*

---

Do the enterprises repatriate the entire profit and other incomes derived from the offshore investment within 06 months from the date on which the tax declaration or an equivalent document is available as prescribed by the host country's law?<sup>49</sup>

*Doanh nghiệp có chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư hay không?*

---

Do the enterprises which use profits from their offshore investment to invest in new offshore investment projects, register to obtain Offshore Investment Registration Certificates for such new projects?<sup>50</sup>

*Trong trường hợp dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư khác ở nước ngoài, doanh nghiệp có thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư khác đó hay không?*

---

#### NOTIFICATION OF, REPORTS ON OFFSHORE INVESTMENT

#### *THÔNG BÁO, BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI*

Do the enterprises submit written notifications of the execution of offshore investment to the Ministry of Planning and Investment, State Bank of Vietnam, and Vietnam representative agencies in the host countries within 60 days of the approval to the investment project by the host country?<sup>51</sup>

*Doanh nghiệp có gửi thông báo bằng văn bản về việc thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước*

---

<sup>48</sup> Article 63.1 of the Law on Investment 2020, Article 15.3(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 63.1 Luật Đầu tư 2020, Điều 15.3(b) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>49</sup> Article 68.1 of the Law on Investment 2020, Article 15.2(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 68.1 Luật Đầu tư 2020, Điều 15.2(b) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>50</sup> Article 67.2 of the Law on Investment 2020, Article 15.3(d) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 67.2 Luật Đầu tư 2020, Điều 15.3(d) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>51</sup> Article 73.3(a) of the Law on Investment 2020, Article 15.1(b) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 73.3(a) Luật Đầu tư 2020, Điều 15.1(b) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

---

*Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày dự án đầu tư được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư hay không?*

---

Do the enterprises submit quarterly reports on the investment execution status to the Ministry of Planning and Investment, the State Bank of Vietnam, and Vietnamese Representative Agencies in the host countries (if any)?<sup>52</sup>

*Doanh nghiệp có gửi báo cáo định kỳ hằng quý về tình hình hoạt động của dự án đầu tư tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có)?*

---

Do the enterprises submit annual reports on operation of their investment projects to the State Bank of Vietnam and Vietnam Representative Agencies in the host countries (if any)?<sup>53</sup>

*Doanh nghiệp có gửi báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình hoạt động của dự án đầu tư tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư (nếu có) hay không?*

---

<b>Accounting - Auditing</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>

---

Do the enterprises submit their annual financial statements to competent State authorities, including the financial authorities (applicable to State-owned enterprises and foreign-invested enterprises only), tax authorities, statistics office, parent companies (if any), and business registration offices within 90 days of the end of the financial year?<sup>54</sup>

*Doanh nghiệp có nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cơ quan tài chính (chỉ áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), cơ quan thuế, cơ quan thống kê, doanh nghiệp cấp trên (nếu có), cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm hay không?*

---

Do the enterprises publish full content of the annual financial statements within 120 days of the end of the financial year?<sup>55</sup>

---

---

<sup>52</sup> Article 73.3(b) of the Law on Investment 2020, Article 15.1(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 72.3(b) Luật Đầu tư 2020, Điều 15.1(a) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>53</sup> Article 73.3(b) of the Law on Investment 2020, Article 15.1(a) of Decree No. 50/2016/ND-CP / Điều 73.3(b) Luật Đầu tư 2020, Điều 15.1(a) Nghị định 50/2016/NĐ-CP

<sup>54</sup> Article 29.3 of the Law on Accounting 2015, Article 110 of Circular No. 200/2014/TT-BTC, Articles 12.1(a), 12.1(c) of the Decree No. 41/2018/ND-CP/ Điều 29.3 Luật Kế toán 2015, Điều 110 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Điều 12.1(a), 12.2(c) Nghị định 41/2018/NĐ-CP

<sup>55</sup> Article 32.4 of the Law on Accounting 2015, Articles 12.1(b), 12.2(d) of Decree No. 41/2018/ND-CP/Điều 32.4 Luật Kế toán 2015, Điều 12.1(b), 12.2(d) Nghị định 41/2018/NĐ-CP

---



---

*Doanh nghiệp có công khai đầy đủ nội dung báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm hay không?*

---

Are the annual financial statements of the foreign-invested enterprises audited?<sup>56</sup>

*Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có được kiểm toán hay không?*

---

Do the enterprises have the accounting departments, appoint accountants, chief accountants or outsource accounting works to qualified companies/individuals?<sup>57</sup>

*Doanh nghiệp có tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán, làm kế toán trưởng hoặc thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán, làm kế toán trưởng hay không?*

---

Do the enterprises notify of any change in the chief accountant or the person in charge of accounting?<sup>58</sup>

*Doanh nghiệp có thông báo khi thay đổi kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán hay không?*

---

## THE LAWS ON TAX PHÁP LUẬT THUẾ

---

Adjustment of tax registration information <i>Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế</i>	Yes <i>Có</i>	No <i>Không</i>
--	------------------	--------------------

---

Do the enterprises register to amend tax registration information within 10 days of the date of such amendment?<sup>59</sup>

*Doanh nghiệp có đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin hay không?*

---

---

<sup>56</sup> Article 33.1 of the Law on Accounting 2015, Article 53 of Decree No. 41/2018/ND-CP / Điều 33.1. Luật Kế toán 2015, Điều 53 Nghị định 41/2018/NĐ-CP

<sup>57</sup> Article 49 of the Law on Accounting 2015, Article 17.2(a) of Decree No. 41/2018/ND-CP / Điều 49 Luật Kế toán 2015, Điều 17.2(a) Nghị định 41/2018/NĐ-CP

<sup>58</sup> Article 31 of the Law on Enterprises 2020, Article 53 of Decree No. 78/2015/ND-CP, Article 17.1(d) of Decree No. 41/2018/ND-CP/ Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 53 Nghị định 78/2015/NĐ-CP, Điều 17.1(d) Nghị định 41/2018/NĐ-CP

<sup>59</sup> Article 31 of the Law on Enterprises 2020, Article 53 of Decree 78/2015/ND-CP / Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 53 Nghị định 78/2015/NĐ-CP.

<b>Declaration of Value-added tax (VAT)</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b><i>Khai thuế giá trị gia tăng (GTGT)</i></b>	<b><i>Có</i></b>	<b><i>Không</i></b>

Do the enterprises who have the total revenue of over VND50 billion from sale and service provision in the preceding year (subject to monthly declaration of VAT) make monthly VAT declaration by the 20<sup>th</sup> day of the following month to the local tax authorities?<sup>60</sup>

*Doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng (khai thuế GTGT theo tháng) có nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế cho cơ quan quản lý thuế hay không?*

Do the enterprises which have just started the production or have the total revenue of under VND50 billion from sale and service provision in the preceding year (subject to quarterly declaration of VAT) make the quarterly VAT declaration by the 30<sup>th</sup> day of the following quarter to the local tax authorities?<sup>61</sup>

*Doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống (khai thuế GTGT theo quý) có nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế cho cơ quan quản lý thuế hay không?*

<b>Declaration of Corporate Income Tax (CIT)</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b><i>Khai thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)</i></b>	<b><i>Có</i></b>	<b><i>Không</i></b>

Do the enterprises make CIT declaration on a one-off basis, on annual finalisation, or on finalisation up to the date of making decisions on division, consolidation, merger, conversion, dissolution, or termination?<sup>62</sup>

*Doanh nghiệp có tiến hành khai thuế TNDN theo từng lần phát sinh, khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động hay không?*

<sup>60</sup> Article 10.3(a), 11.2(a) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance / *Điều 10.3(a), 11.2(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>61</sup> Article 10.3(b), 11.2(b) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 10.3(b), 11.2(b) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>62</sup> Article 12.2 of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 12.2 Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

---

Do the enterprises which have not registered real estate business make CIT declaration on a one-off basis on incomes from real estate transfer within 10 days of the date when CIT liability arises?<sup>63</sup>

*Doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh bất động sản có tiến hành kê khai thuế TNDN theo từng lần phát sinh đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế hay không?*

---

Do the enterprises make declarations of annual CIT finalisation within 90 days of the end of the calendar year or financial year?<sup>64</sup>

*Doanh nghiệp có tiến hành khai quyết toán thuế TNDN năm chậm nhất là ngày thứ chín mươi kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm hay không?*

---

Do the enterprises, which have incomes from capital transfer, declare the CIT on such income in the annual declaration form within 90 days of the end of the calendar year or financial year?<sup>65</sup>

*Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn có kê khai số thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán theo năm chậm nhất là ngày thứ chín mươi kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm hay không?*

---

In case of division, consolidation, merger, conversion, dissolution, or termination, do the enterprises make CIT finalisation declarations within 45 days of the date of making decisions on division, consolidation, merger, conversion, dissolution, or termination?<sup>66</sup>

*Khi thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, doanh nghiệp có tiến hành khai quyết toán thuế TNDN năm trong vòng 45 ngày kể từ ngày có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động hay không?*

---

---

<sup>63</sup> Article 10.3(d), 12.2 of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 10.3(d), 12.2 Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>64</sup> Article 10.3(dd) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 10.3(đ) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>65</sup> Articles 12.7(a), 10.3(dd) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 12.7(a), 12.7(đ) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>66</sup> Article 10.3(e) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 10.3(e) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

---

Do the independent accounting units of the enterprises make declarations on the CIT incurred by such units to the local tax authorities which directly manage such units?<sup>67</sup>

*Đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập của doanh nghiệp có nộp hồ sơ khai thuế TNDN phát sinh tại đơn vị trực thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị trực thuộc hay không?*

---

Upon submitting CIT declaration dossiers, do the enterprises which have dependent accounting units make the CIT declaration for both enterprises and their dependent accounting units?<sup>68</sup>

*Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc khi nộp hồ sơ khai thuế TNDN có khai tập trung tại trụ sở chính cả phần phát sinh tại đơn vị trực thuộc hay không?*

---

Upon submitting CIT declaration dossiers, do the enterprises who have dependent accounting production facilities (including processing and assembling facilities) operating in provinces or central cities other than that of the headquarters, make the CIT declaration for both enterprises and their dependent accounting facilities?<sup>69</sup>

*Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi đơn vị đóng trụ sở chính khi nộp hồ sơ khai thuế TNDN có khai tập trung tại trụ sở chính cả phần phát sinh tại nơi có trụ sở chính và ở nơi có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc hay không?*

---

Do the enterprises which take the capital transfer from foreign investors or whose foreign members/shareholders transfer their capital to other foreign investors calculate, declare, deduct, and pay the CIT on capital transfer on behalf of the transferors within 10 days of the date of approval to the capital transfer the competent tax authorities, or of the date of transfer as agreed by the parties in the capital transfer agreement in case such approval to the capital transfer is not required?<sup>70</sup>

*Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có thành viên/cổ đông nước ngoài chuyển nhượng vốn cho nhà đầu*

---

<sup>67</sup> Article 12.1(b) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 12.1(b) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính

<sup>68</sup> Article 12.1(c) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 12.1(c) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>69</sup> Article 12.1(d) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 12.1(d) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>70</sup> Article 12.7(b) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 12.7(b) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

từ nước ngoài khác có xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay nhà đầu tư chuyển nhượng vốn số thuế TNDN phải nộp từ việc chuyển nhượng vốn trong vòng 10 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc kể từ ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hay không?

<b>Declaration and calculation of Personal Income Tax (PIT)</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<b>Khai thuế, tính thuế thu nhập cá nhân (TNCN)</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>

Do the enterprises which pay the income subject to PIT with the deductible PIT amount in a month of at least one PIT declaration form of VND50 millions or more make monthly PIT declarations by the 20<sup>th</sup> day of the following month to the local tax authorities?<sup>71</sup>

*Doanh nghiệp trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN phát sinh số thuế khấu trừ trong tháng của ít nhất một loại tờ khai thuế TNCN từ 50 triệu đồng trở lên có thực hiện khai thuế TNCN theo tháng chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế cho cơ quan quản lý thuế hay không?*

Do the enterprises which pay the income subject to PIT and is not subject to monthly PIT declarations, make quarterly PIT declarations by the 30<sup>th</sup> day of the month following the declaring quarter to the local tax authorities?<sup>72</sup>

*Doanh nghiệp trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN không thuộc trường hợp kê khai theo tháng có thực hiện khai thuế TNCN theo quý chậm nhất là ngày thứ ba mươi của tháng tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế cho cơ quan quản lý thuế hay không?*

Do the enterprises which pay the income subject to PIT make PIT finalisation declarations and finalise PIT on behalf of the authorising payees on yearly bases within 90 days of the end of the calendar year or financial year?<sup>73</sup>

*Doanh nghiệp trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN có khai quyết toán thuế TNCN và quyết toán thuế TNCN thay cho các cá nhân có ủy quyền*

<sup>71</sup> Article 16.1(a), (d) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 16.1(a), (d) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.*

<sup>72</sup> Article 16.1(a), (d) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 16.1(a), (d) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.*

<sup>73</sup> Article 16.1(d) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 16.1(d) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.*

---

*theo năm chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm hay không?*

<b>Tax payment</b> <i>Nộp thuế</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
---------------------------------------	-------------------------	---------------------------

Do the enterprises pay license fees by 30<sup>th</sup> January every year?<sup>74</sup>

*Doanh nghiệp có nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hàng năm hay không?*

Do the enterprises base on their business results to temporarily calculate and pay CIT on quarterly basis by the 30<sup>th</sup> day of the following quarter?<sup>75</sup>

*Doanh nghiệp có căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh để tạm tính và tạm nộp số thuế TNDN của quý chậm nhất vào ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế hay không?*

Do the enterprises pay taxes by the last day of the deadline for submission of the tax declaration or the deadline for tax payment under the notification of the local tax authorities?<sup>76</sup>

*Doanh nghiệp có nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc thời hạn nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế hay không?*

<b>Withholding tax</b> <i>Thuế nhà thầu nước ngoài</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
---	-------------------------	---------------------------

#### **REGISTRATION OF TAX CODE FOR FOREIGN CONTRACTORS** **ĐĂNG KÝ MÃ SỐ THUẾ CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI**

Do the enterprises which are Vietnamese parties having contracts with foreign contractors or foreign subcontractors make tax registration with the tax authority for the purpose of declaration and payment of withholding tax on behalf of foreign contractors or subcontractors within 10 working days of the date when liabilities for tax deduction and payment arise?<sup>77</sup>

*Doanh nghiệp là bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài có đăng ký thuế với cơ quan thuế để sử dụng cho việc kê khai, nộp thuế thay cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trong thời hạn*

---

<sup>74</sup> Article 5.1(b) of Circulars 302/2016/TT-BTC/ Điều 5.1(b) Thông tư 302/2016/TT-BTC.

<sup>75</sup> Article 12a of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 12(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>76</sup> Article 26.2 of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 26.2 Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>77</sup> Article 5.3(c1), 6.1 of the Circular 95/2016/TT-BTC/ Điều 5.3(c1), 6.1 Thông tư 95/2016/TT-BTC

---

*10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài hay không?*

---

In case of any change in any information in the tax registration form, in the list enclosed with the tax registration form, do the enterprises register for amending the tax registration information with the local tax authorities within 10 working days of such change?<sup>78</sup>

*Khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế, doanh nghiệp có thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi hay không?*

---

Do the enterprises submit dossier of tax code deactivation within 10 working days of the contract termination to the local tax authorities to deactivate the tax code?<sup>79</sup>

*Doanh nghiệp có gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hợp đồng đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hay không?*

---

---

<sup>78</sup> Article 12.2(a) of Circular 95/2016/TT-BTC / Điều 12.2(a) Thông tư 95/2016/TT-BTC

<sup>79</sup> Article 16.4(b) of Circular 95/2016/TT-BTC/ Điều 16.4(b) Thông tư 95/2016/TT-BTC

---

DECLARATION IN CASE OF PAYING VAT USING CREDIT-  
INVOICE METHOD, PAYING CIT ACCORDING TO DECLARED  
REVENUE, AND EXPENSE

*KHAI THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP NỘP THUẾ GTGT THEO  
PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ, NỘP THUẾ TNDN TRÊN CƠ SỞ KÊ  
KHAI DOANH THU, CHI PHÍ*

Do Vietnamese parties having contracts with foreign contractors or foreign contractors having contracts with foreign subcontractors notify the local tax authorities of the payment of VAT by using credit-invoice method, the payment of CIT according to declared revenue and expense by the foreign contractors, foreign subcontractors within 20 working days of the contract signing?<sup>80</sup>

*Bên Việt Nam ký hợp đồng với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài có thông báo bằng văn bản với cơ quan thuế về việc Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập tính thuế TNDN trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng hay không?*

---

TAX DECLARATION IN CASE OF PAYING VAT AND  
CORPORATE INCOME TAX ACCORDING TO FIXED RATES

*KHAI THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP NỘP THUẾ GTGT TÍNH  
TRỰC TIẾP TRÊN GTGT, NỘP THUẾ TNDN THEO TỶ LỆ % TÍNH  
TRÊN DOANH THU*

Do the enterprises declare VAT and CIT on one-off bases within 10 days of the date when tax obligations arise?<sup>81</sup>

*Doanh nghiệp có khai thuế GTGT, thuế TNDN theo từng lần phát sinh chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế hay không?*

---

In case of registration for monthly declaration (when a Vietnamese party pays foreign contractors several times in a month), do the enterprises declare VAT and CIT by the 20<sup>th</sup> day of the following month when tax obligations arise?<sup>82</sup>

*Trong trường hợp đăng ký khai theo tháng (khi bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng), doanh nghiệp có khai*

---

<sup>80</sup> Article 20.2(a) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 20.2(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>81</sup> Article 20.3(a) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 20.3(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính.

<sup>82</sup> Articles 10.3(a), 20.3(a) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ Điều 10.3(a), 20.3(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính



---

*thuế GTGT, thuế TNDN chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế hay không?*

---

Do Vietnamese parties which have contracts with foreign contractors withhold and pay taxes on behalf of the foreign contractors and submit the tax declaration dossiers and the tax finalization dossiers to the local tax authorities directly managing the Vietnamese parties or the local tax authorities where the foreign contractors perform construction and installation contracts?<sup>83</sup>

*Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài có khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài và nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của bên Việt Nam hoặc cơ quan thuế nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện hợp đồng xây dựng, lắp đặt hay không?*

---

Do ticket agents of foreign airlines in Vietnam make the quarterly CIT declaration and withhold and pay CIT on behalf of the foreign airlines?<sup>84</sup>

*Văn phòng bán vé, đại lý tại Việt Nam của hãng hàng không nước ngoài có khai thuế TNDN hàng quý, khấu trừ và nộp thuế thay cho hãng hàng không nước ngoài hay không?*

---

Do the shipping agents or freight forwarding agents for foreign shipping firms make the quarterly CIT declaration and withhold and pay CIT on behalf of the foreign shipping firms?<sup>85</sup>

*Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa cho các hãng vận tải nước ngoài có khai thuế hàng quý, khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài hay không?*

---

Do Vietnamese parties make the quarterly CIT declaration and withhold and pay CIT on behalf of the foreign reinsurers?<sup>86</sup>

*Bên Việt Nam có khai thuế hàng quý, khấu trừ và nộp thuế thay cho các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hay không?*

---

## **LAWS ON COMMERCE**

### **PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI**

---

<sup>83</sup> Article 20.3(a) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 20.3(a) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>84</sup> Article 20.3(c) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 20.3(c) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>85</sup> Article 20.3(d) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC of 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 20.3(d) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

<sup>86</sup> Article 20.3(dd) of the Consolidated Document 15/VBHN-BTC 2018 of the Ministry of Finance/ *Điều 20.3(đ) Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BTC năm 2018 của Bộ Tài chính*

Promotion activities <i>Hoạt động xúc tiến thương mại</i>	Yes <i>Có</i>	No <i>Không</i>
--	------------------	--------------------

PROMOTION

*KHUYẾN MẠI*

Do the enterprises publicly notify the information of their promotion activities?<sup>87</sup>

*Doanh nghiệp có thông báo công khai các thông tin về hoạt động khuyến mại của doanh nghiệp không?*

Do the enterprises notify their promotion programs to the provincial Departments of Industry and Trade of the locality where the promotions take place at least 03 days before conducting following types of promotion?

*Doanh nghiệp có thông báo hoạt động khuyến mại đến Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại dưới các hình thức dưới đây hay không?<sup>88</sup>*

- Provision of sample goods or services free of charge;  
*Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền;*
- Gifting of goods or services;  
*Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền;*
- Discount;  
*Khuyến mại bằng hình thức giảm giá;*
- Sale of goods or provision of services together with coupons;  
*Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ;*
- Sale of goods or provision of services together with promotional contest entry form;  
*Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng;*
- Organisation of frequent customer programs.  
*Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên.*

\* Except for the case where the total value of gifts and prizes is under 100 million dong or the case where the sale and promotion are only conducted on an e-commercial exchange platform or online promotion websites.

<sup>87</sup> Article 97 of the Law on Commerce 2005, Article 48.2a of Decree No. 185/2013/ND-CP/*Điều 97 Luật Thương mại 2005, Điều 48.2a Nghị định 185/2013/NĐ-CP*

<sup>88</sup> Article 17.1 of Decree No. 81/2018/ND-CP/*Điều 17.1 Nghị định 81/2018/NĐ-CP*

---

*\* Trừ khi tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng hoặc chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.*

---

Do the enterprises register their promotion programs with the Department of Industry and the Trade or Ministry of Industry and Trade (for the promotion programs being conducted in more than one provinces or cities under the central authority) before selling goods or providing services together with participation by customers in promotional games of chance or conducting other forms of promotion?<sup>89</sup>

*Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động khuyến mại với Sở Công Thương hoặc Bộ Công Thương (khi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên) trước khi tổ chức bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi hoặc tổ chức chương trình khuyến mại theo các hình thức khác hay không?*

---

Does the value of goods/services used for promotion of a unit of product or service exceed 50% of the unit price of such product or service at the time prior to the promotion program, except for the time-limited sales promotion?<sup>90</sup>

*Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại có vượt quá 50% giá của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại, tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại có vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung, hay không?*

---

Does the maximum discount of a product or service exceed 50% of its price at the time prior to the promotion program, except for the time-limited sales promotion?<sup>91</sup>

*Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại của doanh nghiệp có vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại, trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung, hay không?*

---

Do the enterprises announce the result and award the prize within 45 days of the end of the promotion period?<sup>92</sup>

*Doanh nghiệp có công bố kết quả trúng thưởng và trao giải thưởng của chương trình khuyến mại trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện khuyến mại hay không?*

---

---

<sup>89</sup> Article 19.2 of Decree 81/2018/ND-CP / Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

<sup>90</sup> Article 6 of Decree No. 81/2018/ND-CP/Điều 6 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

<sup>91</sup> Article 07 of Decree No. 81/2018/ND-CP/Điều 07 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

<sup>92</sup> Article 21.1 of Decree No. 81/2018/ND-CP/Điều 21.1 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

---

Do the enterprises notify the competent State authorities of the promotion's result within 45 days of the end of the time for awarding the prize of the promotion programs?<sup>93</sup>

*Doanh nghiệp có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả thực hiện chương trình khuyến mại trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn trao giải thưởng của chương trình khuyến mại hay không?*

---

Do the enterprises pay 50% of the value of the announced prize to the State budget in case no winner is found after the promotion programs?<sup>94</sup>

*Doanh nghiệp có trích nộp 50% giá trị giải thưởng đã công bố vào ngân sách Nhà nước trong trường hợp không có người trúng thưởng sau khi thực hiện chương trình khuyến mại hay không?*

---

Do the enterprises announce the winning result on at least one mean of media in provinces or cities under central authority where the promotion takes place and at points of sale under the promotion program?<sup>95</sup>

*Doanh nghiệp có thông báo công khai kết quả trúng thưởng trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức chương trình khuyến mại và tại các địa điểm bán hàng thuộc chương trình khuyến mại hay không?*

---

Do the enterprises do promotions for wine, lottery, cigarettes, breast milk substitutes, medicines for human use (except for the case in which sales promotion is dedicated to traders involved in drug trading), examination and treatment service of public medical facilities, education service provided by public educational facilities or public vocational training facilities, goods and services that have been banned from circulation in Vietnam and other goods and services prohibited from sales promotion as required by laws?<sup>96</sup>

*Doanh nghiệp có khuyến mại cho các hàng hóa, dịch vụ bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc chữa bệnh cho người (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ khác bị cấm khuyến mại theo quy định của pháp luật hay không?*

---

Do the enterprises use wine, lottery, cigarettes, curative medicines for human use (except for the case in which sales promotion is dedicated to

---

<sup>93</sup> Article 21.2 of Decree No. 81/2018/ND-CP/Điều 21.2 Nghị định 81/2018/ND-CP.

<sup>94</sup> Article 21.2a of Decree No. 81/2018/ND-CP/Điều 21.2a Nghị định 81/2018/ND-CP.

<sup>95</sup> Article 48.2h of Decree 185/2013/ND-CP/Điều 48.2h Nghị định 185/2013/ND-CP.

<sup>96</sup> Article 5.1 of Decree 81/2018/ND-CP/Điều 5.1 Nghị định 81/2018/ND-CP.

---

traders involved in drug trading), goods and services that have been banned from circulation in Vietnam and other goods and services prohibited from sales promotion as required by laws as promotional products?<sup>97</sup>

*Doanh nghiệp có dùng rượu, xô số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho người (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại khác theo quy định của pháp luật để khuyến mại hay không?*

<b>Trading activities of foreign traders</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Hoạt động thương mại của thương nhân nước ngoài</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

## REPRESENTATIVE OFFICES OF FOREIGN TRADERS IN VIETNAM

### *VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM*

Do the representative offices of foreign traders submit reports on their activities in the previous year by mail to the local licensing authorities before the 30<sup>th</sup> day of January every year?<sup>98</sup>

*Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài có gửi báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện trong năm trước đó qua đường bưu điện tới cơ quan cấp Giấy phép chưa?*

---

Do the representative offices of foreign traders do the promotion itself or hire other traders to do the promotion in Vietnam for the traders that they represent?<sup>99</sup>

*Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài có thực hiện khuyến mại hoặc thuê thương nhân khác thực hiện khuyến mại tại Việt Nam cho thương nhân mà mình đại diện hay không?*

---

---

<sup>97</sup> Article 5.2 of Decree 81/2018/ND-CP/Điều 5.2 Nghị định 81/2018/ND-CP.

<sup>98</sup> Article 32.1 of Decree 07/2016/ND-CP, Article 86.2b of Decree 185/2013/ND-CP/Điều 32.1 Nghị định 07/2016/ND-CP, Điều 86.2b Nghị định 185/2013/ND-CP.

<sup>99</sup> Article 86.3c of Decree 185/2013/ND-CP/Điều 86.3c Nghị định 185/2013/ND-CP.

---

In case of any change in the content of the Establishment License, do the foreign traders register for amending the Establishment License of their representative offices within 60 working days of such changes?<sup>100</sup>

*Thương nhân nước ngoài có làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi nội dung Giấy phép này hay không?*

---

Does the chief representative of representative offices execute contracts or amend/supplement contracts signed by the foreign trader without the power of attorney of the foreign trader for each time of execution or amendment, supplement?<sup>101</sup>

*Người đứng đầu văn phòng đại diện có thực hiện giao kết, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của thương nhân nước ngoài mà không có văn bản ủy quyền hợp pháp của thương nhân nước ngoài cho từng lần giao kết, sửa đổi, bổ sung hay không?*

---

Does the chief representative of representative offices concurrently act as the legal representative of the foreign trader or other foreign traders?<sup>102</sup>

*Người đứng đầu văn phòng đại diện có kiêm nhiệm người đại diện theo pháp luật của thương nhân nước ngoài đó hoặc thương nhân nước ngoài khác hay không?*

---

Does the chief representative of representative offices concurrently act as the legal representative of an enterprise established under Vietnam law?<sup>103</sup>

*Người đứng đầu văn phòng đại diện có kiêm nhiệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam hay không?*

---

Does the chief representative of representative offices appoint a proxy to exercise his/her rights and obligations upon leaving Vietnam?<sup>104</sup>

---

---

<sup>100</sup> Article 17.1 of Decree 07/2016/ND-CP, Article 86.2d of Decree 185/2013/NĐ-CP/Điều 17.1 Nghị định 07/2016/NĐ-CP, Điều 86.2d Nghị định 185/2013/NĐ-CP.

<sup>101</sup> Article 33.7 of Decree 07/2016/ND-CP, Article 86.3i of Decree 185/2013/NĐ-CP/Điều 33.7 Nghị định 07/2016/NĐ-CP, Điều 86.3i Nghị định 185/2013/NĐ-CP.

<sup>102</sup> Article 33.6c of Decree 07/2016/ND-CP, Article 86.3g of Decree 185/2013/NĐ-CP/Điều 33.6c Nghị định 07/2016/NĐ-CP, Điều 86.3g Nghị định 185/2013/NĐ-CP.

<sup>103</sup> Article 33.6(d) of Decree 07/2016/ND-CP, Article 86.3(h) of Decree 185/2013/NĐ-CP / Điều 33.6(d) Nghị định 07/2016/NĐ-CP, Điều 86.3(h) Nghị định 185/2013/NĐ-CP

<sup>104</sup> Article 33.3 of Decree 07/2016/ND-CP / Điều 33.3 Nghị định 07/2016/NĐ-CP

---

*Người đứng đầu Văn phòng đại diện có ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi xuất cảnh khỏi Việt Nam hay không?*

Is the proxy appointment agreed by the foreign trader?

*Việc ủy quyền này có được sự đồng ý của thương nhân nước ngoài hay không?*

---

**E-commerce**

***Thương mại điện tử (“TMĐT”)***

**Có**

**Không**

---

Do the enterprises notify the Ministry of Industry and Trade of their e-commerce shopping websites or shopping applications?<sup>105</sup>

*Doanh nghiệp thiết lập website TMĐT bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng có thông báo với Bộ Công Thương hay không?*

---

After the notification to the Ministry of Industry and Trade, do the enterprises send notification of any change in the information relating to e-commerce shopping websites or shopping applications?<sup>106</sup>

*Doanh nghiệp có thông báo sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi thông tin liên quan đến website TMĐT bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng sau khi đã thông báo với Bộ Công Thương hay không?*

---

Do the enterprises providing e-commerce service send reports on statistic data on their activities in the previous year to the Ministry of Industry and Trade by the 15<sup>th</sup> day of January every year?<sup>107</sup>

*Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ thương mại điện tử có báo cáo Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình hoạt động của năm trước đó?*

---

---

<sup>105</sup> Article 27.1 of Decree 52/2013/ND-CP, Article 81.3a of Decree 185/2013/NĐ-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP) / Điều 27.1 Nghị định 52/2013/ND-CP, Điều 81.3a Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/ND-CP)

<sup>106</sup> Article 54 of Decree 52/2013/ND-CP, Articles 81.1, 81.2 of Decree 185/2013/NĐ-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 54 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 81.1, 81.2 Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/ND-CP).

<sup>107</sup> Article 57 of Decree 52/2013/ND-CP/Điều 57 Nghị định 52/2013/ND-CP.

---

After the confirmation of notification, do the enterprises update the information by accessing their account on the e-commerce Management Portal and declaring the information?<sup>108</sup>

*Hàng năm, kể từ thời điểm được xác nhận thông báo, doanh nghiệp có cập nhật thông tin thông báo bằng cách truy cập vào tài khoản trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử và khai báo thông tin hay không?*

---

Do the Enterprises' e-commerce websites or mobile applications provide accurate and complete information about the owner of the e-commerce website or mobile application, information about goods, services, prices, transportation, delivery, modes of payment, contract terms and general transaction conditions before customers execute contracts by using online ordering function on such e-commerce websites or mobile applications?<sup>109</sup>

*Website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động có cung cấp đúng và đầy đủ thông tin về thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động, thông tin về hàng hóa, dịch vụ, giá cả, vận chuyển, giao nhận, phương thức thanh toán, các điều khoản hợp đồng và điều kiện giao dịch chung trước khi khách hàng tiến hành giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động hay không?*

---

Do e-commerce websites or mobile applications have a function to allow customers to review, supplement, amend or confirm contents of transactions before using the online ordering function on e-commerce websites or mobile application to send a request for execution of contracts?<sup>110</sup>

*Website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động có chức năng cho phép khách hàng rà soát, bổ sung, sửa đổi hoặc xác nhận nội dung giao dịch trước khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động để gửi đề nghị giao kết hợp đồng hay không?*

---

---

<sup>108</sup> Article 12.2 of Circular 47/2014/TT-BCT/Điều 12.2 Thông tư 47/2014/TT-BCT.

<sup>109</sup> Articles 82.1a, 82.2a of Decree 185/2013/NĐ-CP (as amended by Decree 124/2015/ ND-CP)/Điều 82.1a, 82.2a Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

<sup>110</sup> Article 18 of Decree 52/2013/ND-CP, Article 82.1(b) of Decree 185/2013/ND-CP (as amended by Decree 124/2015/ ND-CP)/Điều 18 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 82.1(b) Nghị định 185/2013/ND-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).



---

Do e-commerce websites or mobile applications have a function that allows customers to keep the information confirming contents of transactions after executing contracts by using online ordering functions on this e-commerce websites or mobile applications?<sup>111</sup>

*Webside thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động có chức năng cho phép khách hàng lưu trữ thông tin xác nhận nội dung giao dịch sau khi tiến hành giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động đó hay không?*

---

Do e-commerce websites or mobile applications that have an online payment function have a mechanism for customers to review and confirm details of each payment transaction before using this function to make payments?<sup>112</sup>

*Webside thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động có chức năng thanh toán trực tuyến có cơ chế để khách hàng rà soát và xác nhận thông tin chi tiết về từng giao dịch thanh toán trước khi sử dụng chức năng này để thực hiện việc thanh toán hay không?*

---

Do the enterprises take measures to ensure the safety and confidentiality of customers' payment transactions and have mechanisms to protect customers' personal information?<sup>113</sup>

*Doanh nghiệp có thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho giao dịch thanh toán của khách hàng cũng như các cơ chế bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng hay không?*

---

Do the enterprises have a procedure and mechanism for settling complaints and disputes related to contracts signed and arising from transactions on e-commerce exchange and online auction website?<sup>114</sup>

Is this content published?

---

<sup>111</sup> Article 82.2(b) of Decree 185/2013/ND-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 82.2(b) Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

<sup>112</sup> Article 34.2 of Decree 52/2013/ND-CP, Article 82.2d of Decree 185/2013/ND-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 34.2 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 82.2(d) Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

<sup>113</sup> Article 18 of Decree 52/2013/ND-CP, Articles 82.3(d), 83.1(b), 84.1, 84.2 of Decree 185/2013/ND-CP CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/ Điều 18 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 82.3(d), 83.1(b), 84.1, 84.2 Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

<sup>114</sup> Articles 36.10, 76.5(a) of Decree No. 52/2013/ND-CP, Articles 83.1(d), (dd) of Decree No. 185/ND-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 36.10, 76.5(a) Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 83.1(d), (đ) Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

---

*Doanh nghiệp đã xây dựng quy trình, cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp liên quan đến hợp đồng giao kết và phát sinh trong quá trình giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử và website đấu giá trực tuyến hay không?*

*Nội dung này có được công bố hay không?*

---

Do the websites providing e-commerce services or e-commerce service applications or websites providing other online services have an online function to allow customers to request for termination of contracts when they no longer need the services?<sup>115</sup>

*Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử hoặc website cung cấp các dịch vụ trực tuyến khác có cung cấp cho khách hàng công cụ trực tuyến để khách hàng có thể gửi yêu cầu chấm dứt hợp đồng khi hết nhu cầu sử dụng dịch vụ hay không?*

---

In case of any change in the regulations of websites providing e-commerce service or e-commerce service applications, do the enterprises notify the service users of such changes in advance?<sup>116</sup>

*Doanh nghiệp thay đổi các nội dung của quy chế website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử có thực hiện việc thông báo cho các chủ thể sử dụng dịch vụ trước khi áp dụng những thay đổi đó không?*

---

---

<sup>115</sup> Article 76.5a of Decree 52/2013/NĐ-CP, Article 82.2c Decree 185/2013/NĐ-CP (as amended by Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 76.5a Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 82.2c Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

<sup>116</sup> Article 56.1dd of Decree 52/2013/ND-CP, Article 83.2b Decree 185/2013/ND-CP (amended in accordance with Decree 124/2015/ND-CP)/Điều 56.1đ Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 83.2b Nghị định 185/2013/NĐ-CP (sửa theo Nghị định 124/2015/NĐ-CP).

**LAWS ON FOREIGN EXCHANGE CONTROL**  
**PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI HỐI**

<b>Using foreign exchange in the territory of Vietnam</b> <i>Sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
--	-------------------------	---------------------------

Are the enterprise transactions, payments, listings, advertisements, quotes, pricing, price on contracts, agreements and other similar forms in the territory of Vietnam, except for cases permitted by the State Bank of Vietnam’s regulations, made by foreign exchange?<sup>117</sup>

*Các giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác trên lãnh thổ Việt Nam của doanh nghiệp, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có được thực hiện bằng ngoại hối hay không?*

<b>Foreign investments in Vietnam</b> <i>Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam</i>	<b>Yes</b> <i>Có</i>	<b>No</b> <i>Không</i>
--	-------------------------	---------------------------

**OPENING AND CLOSING OF DIRECT INVESTMENT CAPITAL ACCOUNTS**

**MỞ, ĐÓNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP**

Do foreign-invested enterprises (including enterprises directly incorporated by foreign investors and obliged to apply for the Investment Registration Certificates and enterprises which foreign investors account for 51% or more of its registered charter capital) or foreign contractual investor of BCC contracts or foreign investor directly executing PPP projects without incorporating enterprise open a direct investment capital account at a commercial bank authorised to operate in Vietnam?<sup>118</sup>

*Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thành lập và phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ đăng ký trở lên), Nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án có mở*

<sup>117</sup> Article 22 of the Ordinance on Foreign Exchange Control 2005, as amended in 2013 / Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2013

<sup>118</sup> Articles 5.1(a), 5.2(a) of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23.4(d) Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.1(a), 5.2(a) Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/ND-CP

---

*một tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam hay không?*

---

In case of change of the banks where the direct investment capital accounts are opened, do the foreign direct investment enterprises transfer the entire balance to a new direct investment capital accounts and close the old ones?<sup>119</sup>

*Khi thay đổi ngân hàng đã mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở sang tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mới và đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây hay không?*

---

## USE OF DIRECT INVESTMENT CAPITAL ACCOUNTS

### *SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP*

Is the investment capital injection by foreign investors and Vietnamese investors (if any) into foreign direct investment enterprises, by foreign investors in BCC contracts or foreign investors directly executing PPP projects made by bank transfer to the direct investment capital account?<sup>120</sup>

*Việc góp vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam (nếu có) vào doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, của nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng BCC, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp thực hiện dự án PPP có được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không?*

---

---

<sup>119</sup> Article 5.4 of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23.4(d) Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.4 Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>120</sup> Articles 4.3, 6.1(a) of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23. 4(d), (h) of Decree No. 88/2019/ND-CP / Điều 4.3, 6.1(a) Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d), (h) Nghị định 88/2019/ND-CP

---

Is the payment for transfer of the shares or equity of foreign direct investment enterprises between resident investors<sup>121</sup> and non-resident investors<sup>122</sup> made via the direct investment capital accounts? <sup>123</sup>

*Việc thanh toán giá trị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa nhà đầu tư là người cư trú và nhà đầu tư là người không cư trú có được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không?*

---

Are the principals, interests, foreign loan costs, profits, remaining investment capital of the foreign direct investment enterprises transferred abroad via the direct investment capital accounts?<sup>124</sup>

*Tiền gốc, lãi, chi phí vay nước ngoài và lợi nhuận, tiền vốn đầu tư còn lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có được chuyển ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không?*

---

## OPENING AND CLOSING OF A INDIRECT INVESTMENT CAPITAL ACCOUNT IN VIETNAM DONG

### MỞ, ĐÓNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Do foreign investors which make the investment in forms of capital contribution, purchase or sale of shares or capital contributions of enterprises and such investment is not treated as direct investment open indirect investment capital accounts?<sup>125</sup>

---

---

<sup>121</sup> Article 4.2 of the Ordinance on Foreign Exchange Control 2005, as amended in 2013, residents include, amongst others, the organisations, enterprises, associations incorporated and operating in Vietnam, representative offices and branches of foreign entities, Vietnamese citizens

*Điều 4.2 Pháp lệnh Ngoại hối 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2013, người cư trú gồm có các tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức nước ngoài, công dân Việt Nam và những đối tượng khác.*

<sup>122</sup> Article 4.2 of the Ordinance on Foreign Exchange Control 2005, as amended in 2013, non-residents are who are not residents. / Điều 4.2 Pháp lệnh Ngoại hối 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2013, người không cư trú là người không được quy định là người cư trú.

<sup>123</sup> Articles 6.1(b), 10.1(b) of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23. 4(d), (h) of Decree No. 88/2019/ND-CP / Điều 6.1(b), 10.1(b) Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d), (h) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>124</sup> Article 9.1(b) of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 9.1(b) Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>125</sup> Articles 5.1, 6.1 of Circular 05/2014/TT-NHNN (as amended by Circular 06/2019/TT-NHNN), Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.1, 6.1 Thông tư 05/2014/TT-NHNN (sửa theo Thông tư 06/2019/TT-NHNN), Điều 23.4.(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

---

*Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp không thuộc trường hợp đầu tư trực tiếp có mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp hay không?*

---

Do the foreign investors who buy, sell bonds and other securities in Vietnam stock exchange, buy, sell other valuable financial titles in Vietnam Dong issued in Vietnam by permitted resident organisations open indirect investment capital accounts?<sup>126</sup>

*Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư mua, bán trái phiếu và các loại chứng khoán khác trên thị trường chứng khoán Việt Nam; mua bán các giấy tờ có giá khác bằng đồng Việt Nam do người cư trú là tổ chức được phép phát hành trên lãnh thổ Việt Nam có mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp hay không?*

---

Do the foreign investors who make the capital contribution to, transfer the equity of securities investment funds and fund management companies open indirect investment capital accounts?<sup>127</sup>

*Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, chuyển nhượng vốn góp trong các quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ có mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp hay không?*

---

Do the foreign investors who have opened and used an indirect investment capital account at an authorised commercial bank and wishes to open an indirect capital account at another authorised bank close the first account and transfer all balances of the old accounts to the new ones?<sup>128</sup>

*Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đang mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép nhưng có nhu cầu mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép khác, nhà đầu tư nước ngoài có đóng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp đã mở, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới hay không?*

---

## USE OF INDIRECT INVESTMENT CAPITAL ACCOUNTS

---

---

<sup>126</sup> Articles 5.3, 5.4, 6.1 of Circular 05/2014/TT-NHNN, Article 23.4d of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.3, 5.4, 6.1 Thông tư 05/2014/TT-NHNN, Điều 23.4d Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>127</sup> Articles 5.6, 6.1 of Circular 05/2014/TT-NHNN (as amended by Circular 06/2019/TT-NHNN), Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.6, 6.1 Thông tư 05/2014/TT-NHNN (sửa theo Thông tư 06/2019/TT-NHNN), Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>128</sup> Article 6.2 of Circular 05/2014/TT-NHNN / Điều 6.2 Thông tư 05/2014/TT-NHNN

---

---

## SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP

Do the foreign investors transfer receivables and payables relating to indirect investment activities, including the capital contribution, sale or purchase of shares, equity, sale and purchase of bonds and other securities, receipt of dividends, interests from bonds and valuable papers, etc. via the indirect investment capital accounts?<sup>129</sup>

*Nhà đầu tư nước ngoài có tiến hành các hoạt động thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp, bao gồm hoạt động góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp, mua, bán trái phiếu và các loại chứng khoán khác, nhận cổ tức, lãi từ trái phiếu và giấy tờ có giá phát sinh... thông qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp hay không?*

---

## SWITCH OF DIRECT/INDIRECT INVESTMENT CAPITAL ACCOUNTS

### CHUYỂN ĐỔI TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP/GIÁN TIẾP

After the share/equity holding ratio by foreign investors in the enterprises, who are obliged to open, and have opened, direct investment capital accounts, being decreased to under 51% or after the foreign direct investment enterprises becoming public companies and having their shares listed on the stock exchange, do such enterprises close their direct investment capital accounts? And do non-resident foreign investors of such enterprises open indirect investment capital accounts to transfer of receivables and payables in accordance with the regulations on foreign exchange control on foreign indirect investment in Vietnam?<sup>130</sup>

*Sau khi doanh nghiệp thuộc trường hợp phải mở và đã mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp có tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài giảm xuống dưới 51%, hoặc sau khi doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, doanh nghiệp có đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở hay không, và nhà đầu tư nước ngoài là người không cư trú có sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp có mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện các giao dịch thu, chi theo quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam hay không?*

---

<sup>129</sup> Article 5.6 of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.6 Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>130</sup> Article 5.6 of Circular 06/2019/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.6 Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

Do the enterprises whose foreign investors have opened and used indirect investment capital accounts to contribute the capital, purchase shares or equity open the direct investment capital accounts after the share/equity holding ratio by foreign investors at such enterprises reaching 51% or more?<sup>131</sup>

*Doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài đã mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên có mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không?*

<b>Borrowing and Payment of Foreign Debts</b>	<b>Yes</b>	<b>No</b>
<i>Vay, trả nợ nước ngoài</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

#### LIMIT OF FOREIGN MEDIUM/LONG-TERM LOANS

##### *HẠN MỨC VAY TRUNG, DÀI HẠN NƯỚC NGOÀI*

Does the debit balance of medium/long-term loans (including domestic loans and short-term loans which is obliged to be converted into medium/long-term loans) of the enterprises exceed the total loans under the approved business plans or the investment projects, or exceed the difference between total investment capital and capital contribution as recorded in the investment registration certificate, in case the enterprises have such certificates?<sup>132</sup>

*Số dư nợ vay trung, dài hạn (gồm cả dư nợ vay trong nước, kể cả số dư nợ vay ngắn hạn bắt buộc phải chuyển thành khoản vay trung, dài hạn) của doanh nghiệp có vượt quá tổng nhu cầu vốn vay tại phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc vượt quá phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư và vốn góp ghi nhận tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hay không?*

---

#### PROCEDURE FOR REGISTRATION, REGISTRATION OF CHANGE OF FOREIGN LONG-TERM LOANS

##### *THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN*

---

---

<sup>131</sup> Articles 9, 13.3 of Circular 03, Article 23.3(g) Decree 88/2019/ND-CP / Điều 9, 13.2 Thông tư 03, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>132</sup> Article 11.2(b) of Circular 12/2014/TT-NHNN, Article 13.5(a) of Decree 50/2016/ND-CP / Điều 11.2(b) Thông tư 12/2014/TT-NHNN, Điều 13.5(a) Nghị định 50/2016/ND-CP



---

Do the enterprises who have medium and long-term foreign loans register such loans with the State Bank within 30 days of execution of the loan agreements?<sup>133</sup>

*Doanh nghiệp có khoản vay trung, dài hạn nước ngoài có đăng ký khoản vay đó với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày kể ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài hay không?*

---

Do the enterprises who have renewed short-term foreign loans with a total loan term of over one year register such loans with the State Bank of Vietnam within 30 days of execution of the renewal agreements?<sup>134</sup>

*Doanh nghiệp có khoản vay ngắn hạn nước ngoài nhưng được gia hạn mà tổng thời hạn của khoản vay là trên một năm có đăng ký khoản vay đó với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày kể ngày ký thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung/dài hạn hay không?*

---

Do the enterprises which have short-term foreign loans not being renewed and not fully repaid after one year from the first disbursement register such loans with the State Bank of Vietnam 30 days prior to the date of the one-year term of the first disbursement?<sup>135</sup>

*Doanh nghiệp có khoản vay ngắn hạn nước ngoài không có hợp đồng gia hạn nhưng còn dư nợ gốc tại thời điểm tròn một năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên có đăng ký khoản vay đó với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày trước ngày tròn một năm của khoản vay ngắn hạn đó hay không?*

---

In case of any change in the loans registered with the State Bank of Vietnam, do the enterprises register such change with the State Bank of Vietnam within 30 days of execution of the agreement on amendment or prior to start of such change?<sup>136</sup>

*Doanh nghiệp thay đổi nội dung liên quan đến khoản vay được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước có đăng ký những thay đổi đó với Ngân hàng Nhà nước trong thời*

---

---

<sup>133</sup> Articles 9.1, 13.3(a) of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 9.1, 13.3(a) Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>134</sup> Articles 9.2, 13.3(b) of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 9.2, 13.3(b) Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>135</sup> Articles 9.3, 13.3(c) of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 9.3, 13.3(c) Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>136</sup> Articles 15.1, 16.2(a) of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 15.1, 16.2(a) Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

---

*hạn 30 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước thời điểm diễn ra nội dung thay đổi hay không?*

---

In case of a change in the head office address of the borrowing enterprises within the same province or city or in case of change in the commercial name of the bank supplying account services, do the enterprises notify the State Bank of Vietnam within 30 days of such change or receipt of notification of such changes?<sup>137</sup>

*Doanh nghiệp đi vay nước ngoài thay đổi địa chỉ trụ sở chính của mình trong cùng tỉnh, thành phố hoặc tên giao dịch thương mại của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản thay đổi, doanh nghiệp có thông báo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi hoặc nhận được thông báo thay đổi hay không?*

---

## OPENING AND CLOSING OF FOREIGN LOAN ACCOUNTS

### *MỞ, ĐÓNG TÀI KHOẢN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI*

Do the borrowers who are not foreign direct investment enterprises open a foreign loan account at the banks supplying account services for doing transactions relating to foreign loans (withdrawal, repayment of principal, payment of interests)?<sup>138</sup>

*Doanh nghiệp đi vay không phải là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tại ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay nước ngoài (rút vốn, trả nợ gốc, nợ lãi) hay không?*

---

Is each foreign loan of the enterprises who are not foreign direct investment enterprises remitted via the foreign loan account at one bank providing account services?<sup>139</sup>

*Mỗi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có được thực hiện qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tại một ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản hay không?*

---

---

<sup>137</sup> Articles 15.3(a) (c), 15.4 of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 15.3(a) (c), 15.4 Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>138</sup> Article 24.3 of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 24.3 Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>139</sup> Article 24.3 of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 24.3 Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP.

---

Is each foreign short-term loan of foreign direct investment enterprises remitted via the direct investment capital account or the foreign loan account at one bank providing account services?<sup>140</sup>

*Mỗi khoản vay ngắn hạn nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hoặc qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tại một ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản hay không?*

---

Are receivables and payables relating to foreign medium or long-term loans of foreign direct investment enterprises remitted via the direct investment capital accounts?<sup>141</sup>

*Các giao dịch thu – chi liên quan đến khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không?*

---

## REPORTS

### NGHĨA VỤ BÁO CÁO

Do the borrowers make online reports on [www.qlnh-sbv.cic.org.vn](http://www.qlnh-sbv.cic.org.vn) or directly submit written quarterly reports to the provincial branch of the State Bank of the locality where the borrowers locate their head office by the 5<sup>th</sup> day of the month following the reporting quarter?<sup>142</sup>

*Doanh nghiệp đi vay có báo cáo trực tuyến tại Trang điện tử [www.qlnh-sbv.cic.org.vn](http://www.qlnh-sbv.cic.org.vn) hoặc gửi báo cáo định kỳ hàng quý bằng văn bản đến Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đi vay đặt trụ sở chính chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo hay không?*

Offshore Investment	Yes	No
<i>Hoạt động đầu tư ra nước ngoài</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>

## OPENING AND USE OF OFFSHORE INVESTMENT CAPITAL ACCOUNTS

---

<sup>140</sup> Article 24.2(b) of Circular 03/2016/TT-NHNN (as amended by Circular 05/2016/TT-NHNN), Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 24.2(b) Thông tư 03/2016/TT-NHNN (sửa đổi theo Thông tư 05/2016/TT-NHNN), Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>141</sup> Article 24.2(a) of Circular 03/2016/TT-NHNN (as amended by Circular 05/2016/TT-NHNN), Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 24.2(a) Thông tư 03/2016/TT-NHNN (sửa đổi bởi Thông tư 05/2016/TT-NHNN), Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP.

<sup>142</sup> Articles 39.1, 40.1 of Circular 03/2016/TT-NHNN, Article 47 of Decree No. 88/2019/ND-CP / Điều 39.1, 40.1 Thông tư 03/2016/TT-NHNN, Điều 47 Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

## MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

After obtaining the Offshore Investment Registration Certificates, do the enterprises doing offshore investment open the investment capital account in foreign currency appropriate to their demand for capital remittance of offshore investment at credit institutions authorised to provide foreign exchange services?<sup>143</sup>

*Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài có mở một tài khoản vốn đầu tư bằng một loại ngoại tệ phù hợp với nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại một tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối hay không?*

---

Do the enterprises having many offshore investment projects open separate offshore investment capital accounts for each project?<sup>144</sup>

*Doanh nghiệp có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài có mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt cho từng dự án hay không?*

---

In case of change in the currency of the investment capital account or in the credit institution where the investment capital account is opened, do the enterprises open the investment capital account in another currency or another investment capital account at another authorised credit institution and then register such change with the State Bank of Vietnam?<sup>145</sup>

*Khi thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc thay đổi tổ chức tín dụng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư, doanh nghiệp có mở tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc mở tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép khác và đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hay không?*

---

Do the enterprises transfer the entire balance of the current investment capital account to the new investment capital account within 05 working

---

---

<sup>143</sup> Article 5.1 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23. 4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.1 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>144</sup> Article 5.3 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.3 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>145</sup> Articles 5.5(a) (b) Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.5(a) (b) Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

days of the date when the State Bank of Vietnam confirms the registration of the change in the investment capital account? <sup>146</sup>

*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư, doanh nghiệp có thực hiện chuyển toàn bộ số dư của tài khoản vốn đầu tư đang sử dụng sang tài khoản vốn đầu tư mới hay không?*

---

Do the enterprises transfer receivables and payables relating to offshore investment via an offshore investment capital account? <sup>147</sup>

*Các giao dịch thu – chi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài có được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài hay không?*

---

## REGISTRATION OF FOREIGN EXCHANGE TRANSACTIONS IN RELATION TO OFFSHORE INVESTMENT ACTIVITIES

### *ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI*

After obtaining the Offshore Investment Registration Certificates issued by the Ministry of Investment and Planning, do the enterprises carrying out offshore investment register foreign exchange transactions in relation to offshore investment activities with the State Bank of Vietnam? <sup>148</sup>

*Sau khi đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài có đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hay không?*

---

After the investment is approved/licenced by the competent host countries or after the enterprises obtain the documents proving their rights to do the investment in a host countries in accordance with the law of that countries, do the enterprises carrying out offshore investment

---

---

<sup>146</sup> Article 5.5(c) of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.4(d) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 5.5© Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>147</sup> Articles 3.2, 6, 7 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23. 4(d) (g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 3.2, 6, 7 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.4(d) (g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>148</sup> Article 61 of the Law on Investment 2020, Article 10.1(a) of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 61 Luật Đầu tư 2020, Điều 10.1(a) Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

register foreign exchange transactions in relation to offshore investment activities with the State Bank of Vietnam?<sup>149</sup>

*Sau khi hoạt động đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận hoặc cấp phép hoặc sau khi doanh nghiệp đã được cấp tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư, doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài có đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hay không?*

---

After opening the offshore investment capital accounts at credit institutions authorised to provide foreign exchange services and prior to the capital remittance, do the enterprises register foreign exchange transactions in relation to offshore investment activities with the State Bank of Vietnam?<sup>150</sup>

*Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp có đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hay không?*

---

In case of any change in the investors: in the investors' name; in the investors' address resulting in a change in the authority authorised to certify the registration of change in foreign exchange transactions; in the currency of the investment capital account; in the investment capital amount; in the place where the investment capital account is opened; in the capital remittance progress in compared to those registered with the State Bank and confirmed in the certification of registration of foreign exchange transactions; do the enterprises register such change in foreign exchange transactions with the State Bank of Vietnam?<sup>151</sup>

*Khi có phát sinh thay đổi có liên quan đến nhà đầu tư, thay đổi tên nhà đầu tư, thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư dẫn đến thay đổi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác, thay đổi vốn đầu tư,*

---

<sup>149</sup> Article 10.1(b) of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 10.1(b) Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>150</sup> Article 10.1(c) of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 10.1(c) Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

<sup>151</sup> Article 11.1 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 11.1 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/NĐ-CP

---

*nơi mở tài khoản vốn đầu tư, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước, doanh nghiệp có đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước hay không?*

---

In case of any change in address of the enterprises not resulting in a change in the authority authorised to certify the registration of change in foreign exchange transactions, in the name of the offshore projects, in the number of the offshore investment capital account, do the enterprises notify the branch of the State Bank where the enterprises are located and the authorised credit institutions where the enterprises open the offshore investment capital account within 30 days of such change?<sup>152</sup>

*Trong trường hợp thay đổi địa chỉ của doanh nghiệp mà không dẫn đến thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối, thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài, thay đổi về số tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp có thực hiện thông báo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và tổ chức tín dụng được phép nơi doanh nghiệp mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi hay không?*

---

#### REMITTANCE OF FOREIGN EXCHANGE PRIOR TO ISSUANCE OF THE OFFSHORE INVESTMENT REGISTRATION CERTIFICATE

#### *CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI*

Is the remittance of foreign exchange prior to issuance of the offshore investment registration certificate made via a pre-investment foreign currency account opened at an authorised credit institution?<sup>153</sup>

*Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài có được thực hiện thông qua một tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mở tại một tổ chức tín dụng được phép hay không?*

---

<sup>152</sup> Article 11.2 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 11.2 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

<sup>153</sup> Article 16.1 of Circular 12/2016/TT-NHNN, Article 23.3(g) of Decree 88/2019/ND-CP / Điều 16.1 Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Điều 23.3.(g) Nghị định 88/2019/ND-CP

